

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	Năm học: 2022-2023
Trường :	Trường TH Tân Hiệp

1. Chất lượng giáo dục

THÔNG TƯ 27	Số	Tổng số HS có KQDG	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3							
			Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số						
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép		Khuyết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập																				
1. Tiếng Việt	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Hoàn thành tốt		137	37	14					53	33	3	2			47	26	1	1		
Hoàn thành		162	50	17	4	1			47	15	2	1		2	65	32	2			1
Chưa hoàn thành		4	4	1																
2. Toán	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Hoàn thành tốt		140	36	14					53	33	3	2			51	29	1	1		
Hoàn thành		160	53	17	4	1			46	14	2	1		2	61	29	2			1
Chưa hoàn thành		3	2	1					1	1										
3. Đạo đức	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Hoàn thành tốt		157	49	21					54	32	3	2			54	31	1	1		
Hoàn thành		146	42	11	4	1			46	16	2	1		2	58	27	2			1
Chưa hoàn thành																				
4. Tự nhiên và Xã hội	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Hoàn thành tốt		159	51	23	1	1			54	32	3	2			54	31	1	1		
Hoàn thành		144	40	9	3				46	16	2	1		2	58	27	2			1
Chưa hoàn thành																				
5. Nghệ thuật (Âm nhạc)	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Hoàn thành tốt		139	40	17					48	29	3	2			51	29	1	1		
Hoàn thành		164	51	15	4	1			52	19	2	1		2	61	29	2			1
Chưa hoàn thành																				
6. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Hoàn thành tốt		132	37	17					45	26	2	1			50	29	1	1		
Hoàn thành		171	54	15	4	1			55	22	3	2		2	62	29	2			1
Chưa hoàn thành																				
7. Hoạt động trải nghiệm	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Hoàn thành tốt		161	50	21	1				55	33	3	2			56	31	1	1		
Hoàn thành		142	41	11	3	1			45	15	2	1		2	56	27	2			1
Chưa hoàn thành																				
8. Giáo dục thể chất	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Hoàn thành tốt		133	39	16					40	24	3	2			54	28	1	1		
Hoàn thành		170	52	16	4	1			60	24	2	1		2	58	30	2			1
Chưa hoàn thành																				
9. TH-CN (Công nghệ)	112	112													112	58	3	1		1
Hoàn thành tốt		45													45	25	1	1		
Hoàn thành		67													67	33	2			1
Chưa hoàn thành																				
10. TH-CN (Tin học)	303	112													112	58	3	1		1
Hoàn thành tốt		51													51	29	1	1		

Hoàn thành		61													61	29	2			1
Chưa hoàn thành																				
11. Ngoại ngữ	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Hoàn thành tốt		119	34	13					35	19	2	1			50	30	1	1		
Hoàn thành		184	57	19	4	1			65	29	3	2		2	62	28	2			1
Chưa hoàn thành																				
12. Tiếng dân tộc	303																			
Hoàn thành tốt																				
Hoàn thành																				
Chưa hoàn thành																				
II. Năng lực cốt lõi																				
Năng lực chung																				
Tự chủ và tự học	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Tốt		152	45	18					58	33	3	2			49	28	1	1		
Đạt		150	45	14	4	1			42	15	2	1		2	63	30	2			1
Cần cố gắng		1	1																	
Giao tiếp và hợp tác	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Tốt		160	54	21	1	1			57	32	3	2			49	28	1	1		
Đạt		143	37	11	3				43	16	2	1		2	63	30	2			1
Cần cố gắng																				
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Tốt		152	44	18					59	34	3	2			49	28	1	1		
Đạt		150	46	14	4	1			41	14	2	1		2	63	30	2			1
Cần cố gắng		1	1																	
Năng lực đặc thù																				
Ngôn ngữ	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Tốt		139	31	14					59	34	3	2			49	28	1	1		
Đạt		162	58	18	4	1			41	14	2	1		2	63	30	2			1
Cần cố gắng		2	2																	
Tính toán	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Tốt		150	42	15					59	34	3	2			49	28	1	1		
Đạt		151	47	16	4	1			41	14	2	1		2	63	30	2			1
Cần cố gắng		2	2	1																
Tin học	112	112													112	58	3	1		1
Tốt		54													54	31	1	1		
Đạt		58													58	27	2			1
Cần cố gắng																				
Công nghệ	112	112													112	58	3	1		1
Tốt		54													54	31	1	1		
Đạt		58													58	27	2			1
Cần cố gắng																				
Khoa học	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Tốt		159	46	18	2	1			59	34	3	2			54	31	1	1		
Đạt		144	45	14	2				41	14	2	1		2	58	27	2			1
Cần cố gắng																				
Thẩm mĩ	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Tốt		164	50	19	2	1			59	34	3	2			55	32	1	1		
Đạt		139	41	13	2				41	14	2	1		2	57	26	2			1
Cần cố gắng																				
Thể chất	303	303	91	32	4	1			100	48	5	3		2	112	58	3	1		1
Tốt		163	49	18	1				59	34	3	2			55	32	1	1		

[illegible]

2. Toán	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Hoàn thành tốt		107	60	33	3	2			47	26				
Hoàn thành		143	65	33	5	3		2	78	24	3			3
Chưa hoàn thành														
3. Đạo đức	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Hoàn thành tốt		151	70	40	5	3			81	42	1			
Hoàn thành		99	55	26	3	2		2	44	8	2			3
Chưa hoàn thành														
4. Khoa học	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Hoàn thành tốt		147	70	41	3	2			77	40	1			
Hoàn thành		103	55	25	5	3		2	48	10	2			3
Chưa hoàn thành														
5. LS &ĐL	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Hoàn thành tốt		143	70	41	3	2			73	39	1			
Hoàn thành		107	55	25	5	3		2	52	11	2			3
Chưa hoàn thành														
6. Âm nhạc	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Hoàn thành tốt		96	51	28	3	2			45	25				
Hoàn thành		154	74	38	5	3		2	80	25	3			3
Chưa hoàn thành														
7. Mĩ thuật	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Hoàn thành tốt		95	50	31	3	2			45	24				
Hoàn thành		155	75	35	5	3		2	80	26	3			3
Chưa hoàn thành														
8. Thủ công, Kĩ thuật	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Hoàn thành tốt		146	69	40	4	2			77	40	1			
Hoàn thành		104	56	26	4	3		2	48	10	2			3
Chưa hoàn thành														
9. Thể dục	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Hoàn thành tốt		97	47	25	4	3			50	29				
Hoàn thành		153	78	41	4	2		2	75	21	3			3
Chưa hoàn thành														
10. Ngoại ngữ	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Hoàn thành tốt		95	45	26	3	2			50	27				
Hoàn thành		155	80	40	5	3		2	75	23	3			3
Chưa hoàn thành														
11. Tin học	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Hoàn thành tốt		93	46	26	3	2			47	26				
Hoàn thành		157	79	40	5	3		2	78	24	3			3
Chưa hoàn thành														
12. Tiếng dân tộc	250													
Hoàn thành tốt														
Hoàn thành														
Chưa hoàn thành														
II. Năng lực														
Tự phục vụ tự quản	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Tốt		181	79	46	5	3			102	46	2			
Đạt		69	46	20	3	2		2	23	4	1			3
Cần cố gắng														
Hợp tác	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Tốt		177	70	40	4	2			107	45	2			

Đạt		73	55	26	4	3		2	18	5	1			3
Cần cố gắng														
Tự học và giải quyết vấn đề	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Tốt		158	69	37	4	2			89	44	1			
Đạt		92	56	29	4	3		2	36	6	2			3
Cần cố gắng														
III. Phẩm chất														
Chăm học chăm làm	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Tốt		172	73	40	5	3			99	46	1			
Đạt		78	52	26	3	2		2	26	4	2			3
Cần cố gắng														
Tự tin trách nhiệm	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Tốt		171	69	38	4	2			102	46	2			
Đạt		79	56	28	4	3		2	23	4	1			3
Cần cố gắng														
Trung thực kỷ luật	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Tốt		191	78	46	5	3			113	49	3			
Đạt		59	47	20	3	2		2	12	1				3
Cần cố gắng														
Đoàn kết yêu thương	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Tốt		194	82	50	7	5			112	48	3			
Đạt		56	43	16	1			2	13	2				3
Cần cố gắng														
IV. Khen thưởng		99	53	29	4	2			46	25				
- Giấy khen cấp trường		99	53	29	4	2			46	25				
- Giấy khen cấp trên														
V. HSDT được trợ giảng														
VI. HS.K.Tật		5	2	1				2	3					3
VII. HS bỏ học kỳ II														
+ Hoàn cảnh GDKK														
+ KK trong học tập														
+ Xa trường, đi lại K.khẩn														
+ Thiên tai, dịch bệnh														
+ Nguyên nhân khác														
VIII. Chương trình lớp học	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Hoàn thành	250	250	125	66	8	5		2	125	50	3			3
Chưa hoàn thành ☐														

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lâm Thị Kim Oanh